

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2022/HNGĐ- ST**

Ngày : **31-8- 2022**

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Quế**

2. Ông **Phạm Đức Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 190/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị P**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 15, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Lê Đức A**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 15, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị P có đơn đề nghị vắng mặt, anh A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/01/2006. Việc chung sống là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh A không

quan tâm tới gia đình, có đánh đập chị P, nghiện ma túy. Mặc dù vợ chồng chưa chính thức sống ly thân nhưng anh A hay vắng mặt tại nhà, mặc dù vẫn thường xuyên đi về thăm con nhưng vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị Đỗ Thị P xin được ly hôn với anh Lê Đức A.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A có 03 người con chung tên là Lê Anh T, sinh ngày 08/7/2006, Lê Anh Tú, sinh ngày 24/3/2009 và Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 12/11/2018. Hiện nay các cháu T, Tú, N do chị Đỗ Thị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ly hôn chị Đỗ Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị Đỗ Thị P không yêu cầu anh Lê Đức A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A không tạo lập được tài sản chung nào do vậy chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm tiến hành đã triệu tập hợp lệ anh Lê Đức A nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện của chị Đỗ Thị P nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 15/7/2022 nhưng không được do anh Lê Đức A vắng mặt, đồng thời chị Đỗ Thị P có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa mà giải quyết vụ án theo pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A được ly hôn. Về con chung cần giao 03 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 08/7/2006, Lê Anh Tú, sinh ngày 24/3/2009 và Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 12/11/2018 cho chị Đỗ Thị P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh Lê Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Đức A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

II. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Chị Đỗ Thị P yêu cầu giải quyết về ly hôn, con chung với anh Lê Đức A, có địa chỉ tại Thôn 15, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

III. Về nội dung vụ án:

{1} *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/01/2006. Việc chung sống là tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh Akhông quan tâm tới gia đình, có đánh đập chị P, nghiện ma túy. Mặc dù vợ chồng chưa chính thức sống ly thân nhưng anh A hay vắng mặt tại nhà, mặc dù vẫn thường xuyên đi về thăm con nhưng vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị Đỗ Thị P xin được ly hôn với anh Lê Đức A.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Lê Đức A không có mặt nên hòa giải không thành. Tại phiên tòa chị Đỗ Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh Lê Đức A cho đến hiện nay cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết ly hôn, cũng không làm việc để trình bày về thiện chí hòa giải. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì vợ chồng chị P anh Acó xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, anh Acó đánh chửi chị P. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không liên lạc với nhau, không hàn gắn tình cảm được nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} *Về con chung:* Xét lời khai của chị Đỗ Thị P, căn cứ vào giấy khai sinh chị Đỗ Thị P nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A có 03 người con chung tên là Lê Anh T, sinh ngày 08/7/2006, Lê Anh Tú, sinh ngày 24/3/2009 và Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 12/11/2018. Quá trình vợ chồng sống ly thân chị Đỗ Thị P là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Quá trình chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì các cháu Lê Anh T, Lê Anh Tú, Lê Đỗ Ngọc N phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần, chị Đỗ Thị P có đủ điều kiện nuôi con. Các con chung Lê Anh T, Lê Anh Tú có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị Đỗ Thị P là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiếp tục giao con chung là Lê Anh T, sinh ngày 08/7/2006, Lê Anh Tú, sinh ngày 24/3/2009 và Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 12/11/2018 cho chị Đỗ Thị P tiếp tục nuôi

dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị Đỗ Thị P không yêu cầu anh Lê Đức A cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

{3} *Về tài sản chung*: Chị Đỗ Thị P trình bày quá trình chung sống chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A không có tài sản chung nào nên không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} *Về nợ chung*: Chị Đỗ Thị P trình bày quá trình chung sống chị và anh Lê Đức A không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Đỗ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị P đối với anh Lê Đức A về việc “Xin ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị P và anh Lê Đức A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Lê Anh T, sinh ngày 08/7/2006, Lê Anh Tú, sinh ngày 24/3/2009 và Lê Đỗ Ngọc N, sinh ngày 12/11/2018 cho chị Đỗ Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Lê Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về án phí: Buộc chị Đỗ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Đỗ Thị P đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004436 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi

